

84/2023 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – LUỒNG SÀI GÒN – VŨNG TÀU – Độ sâu

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam, thông báo số 169/TBHH-TCTBĐATHHMN

Hải đồ ảnh hưởng – VN4SG003 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 03 tháng 8 năm 2023)

Chèn	Độ sâu	3	10°43'40.51"N	106°45'00.26"E
		0 ₃	10°43'38.24"N	106°44'57.69"E
		8 ₉	10°43'34.96"N	106°45'00.76"E
		9 ₈	10°43'41.25"N	106°45'06.63"E
		7 ₁	10°43'44.85"N	106°45'08.30"E
	Độ sâu ngập triều	<u>1</u> ₅	10°43'46.04"N	106°45'01.20"E
Xóa	Độ sâu	8 ₅	10°43'44.78"N	106°45'08.89"E
		8 ₆	10°43'33.84"N	106°44'59.62"E
		6 ₂	10°43'40.88"N	106°45'01.81"E
		6 ₂	10°43'38.19"N	106°44'59.57"E
		Độ sâu ngập triều	1 ₉	10°43'39.96"N

Hải đồ ảnh hưởng – VN3GR001 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 03 tháng 8 năm 2023)

Chèn	Độ sâu	7 ₁	10°43'44.85"N	106°45'08.30"E
Xóa	Độ sâu	8 ₅	10°43'44.78"N	106°45'08.89"E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo Hệ tọa độ WGS 84)

84/2023 – VIET NAM – HO CHI MINH CITY SEA PORT WATER – SAI GON – VUNG TAU CHANNEL – Depths

Source: Southern Viet Nam Maritime Safety, Notice No.169/TBHH-TCTBĐATHHMN

Chart affected – VN4SG003 (Edition No. 2, updated on August 3rd, 2023)

Insert	Depth	3	10°43'40.51"N	106°45'00.26"E
		0 ₃	10°43'38.24"N	106°44'57.69"E
		8 ₉	10°43'34.96"N	106°45'00.76"E
		9 ₈	10°43'41.25"N	106°45'06.63"E
		7 ₁	10°43'44.85"N	106°45'08.30"E
	Drying height	1 ₅	10°43'46.04"N	106°45'01.20"E

Delete	Depth	8 ₅	10°43'44.78"N	106°45'08.89"E
		8 ₆	10°43'33.84"N	106°44'59.62"E
		6 ₂	10°43'40.88"N	106°45'01.81"E
		6 ₂	10°43'38.19"N	106°44'59.57"E
	Drying height	<u>1</u> ₉	10°43'39.96"N	106°44'55.82"E

Chart affected – VN3GR001 (Edition No. 2, updated on August 3rd, 2023)

Insert	Depth	7 ₁	10°43'44.85"N	106°45'08.30"E
Delete	Depth	8 ₅	10°43'44.78"N	106°45'08.89"E

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
